TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2021
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Thôn Tranh Ngoài, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 07 tháng 5 năm 2014 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D đi lao động tại Đài

Loan, rất ít khi về nước; không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị L. Thời gian đầu, anh D vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm mẹ con chị L. Tuy nhiên, sau đó thì ít dần và chủ yếu chỉ để nói chuyện với con chứ vợ chồng không chia sẻ, quan tâm gì đến cuộc sống riêng của nhau. Sau đó, đến năm 2018 thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L, anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế P, sinh ngày 01/5/2015. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị L và ông bà ngoại tại Xã V, huyện B(nay là xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang), tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án được tiếp tục nuôi cháu P và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Đ là anh ruột của anh Nguyễn Văn D. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2021 và 28/6/2021, anh Đ trình bày: Anh vẫn thường xuyên liên lạc với em trai là Nguyễn Văn D. Bố mẹ đẻ anh hiện nay đã già yếu nên không thể làm việc trực tiếp với Tòa án được. Anh Đ khẳng định: Anh D và chị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 07 tháng 5 năm 2014 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh D đang lao động tại Đài Loan. Anh D đã được anh thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Anh D thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị L. Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân, anh D và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế P, sinh ngày 01/5/2015. Do anh D đang lao động tại Đài Loan không có mặt ở Việt Nam nên để đảm bảo cuộc sống và học tập của cháu P được ổn định, anh D đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P. Do anh D không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và bản thân anh Đ cũng không nắm được nên anh Đ không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 12267/QLXNC-P5 ngày 21/5/2021 thể hiện: Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 20/9/1984 tại Hải Dương, CMND số: 142256054, địa chỉ thường trú tại: xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số B4484422 xuất nhập cảnh nhiều lần (07 lượt), lần cuối xuất cảnh ngày 29/6/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị L và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh D; về con chung, giao cháu Nguyễn Thế P, sinh ngày 01/5/2015 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự thỏa thuận về cấp dưỡng tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị L có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn D, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 07 tháng 5 năm 2014 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D đi lao động tại Đài Loan, ít khi về nước; không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị L. Những lần anh D liên lạc về chỉ nói chuyện với con. Vợ chồng không chia sẻ, quan tâm gì đến cuộc sống riêng của nhau. Đến năm 2018, vợ chồng không liên lạc và ly thân từ đó đến nay. Chị L và anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX xét thấy hôn nhân của chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nhiều năm vợ chồng không chung sống, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị L ly hôn với anh D là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị L và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế P, sinh ngày 01/5/2015. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị

L và ông bà ngoại tại Thôn Hồ Liễn, xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị L đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân chị L có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con, đồng thời, anh D đang lao động tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P một cách đầy đủ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, anh D về Việt Nam sinh sống có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do chị L tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L. Xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thế P, sinh ngày 01/5/2015 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền khởi kiện yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0006000 ngày 14/5/2021. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn